TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DSST
Ngày: 11-11-2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng**.**

Hội thẩm nhân dân: - Ông Mai Trần Phúc

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 80/2019/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tôn Thị Á(tên thường gọi D)**,** sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: số 109, đường H, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quốc B, sinh năm 1980, chị Ngô Thị Bạch T(tên thường gọi L), sinh năm 1983, cùng địa chỉ cư trú: số 15, tổ 17, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 và các lời khai tại Tòa án của chị Tôn Thị Á(tên thường gọi D, nguyên đơn) trình bày: Do quen biết với vợ chồng Anh B, chị T(tên thường gọi L) Anh B, chị Tcó hỏi tôi vay 100.000.000 đồng để mua xe tải nhỏ chở sắt. Ngày 18/02/2019 tôi đưa tiền cho B số tiền 100.000.000 đồng, khi nhận tiền B có viết giấy mượn tiền do B viết và ký tên không có T ký trong giấy nợ nhưng thỏa thuận miệng là 01 tháng trả lãi suất 1% tháng. Khi vay B nói vay để vợ

chồng mua xe tải nhỏ chở sắt (B là thợ hàn tại nhà và làm cho công trình), do quá thời hạn vay mà B và T không đóng lãi cũng không trả gốc nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc B và T trả cho tôi 100.000.000 đồng không tính lãi suất. Lúc vợ chồng B, T vay tiền của tôi là vợ chồng B và T vẫn sống chung nhà, sống hạnh phúc B làm thợ hàn còn T đi làm xí nghiệp, B làm rất đắc tôi thấy B và T sống hạnh phúc vợ chồng lo làm ăn không ăn chơi, đua đòi, không mít lòng ai nhưng không biết nguyên nhân sao thiếu nợ nhiều người. B vay tiền của tôi được 01 tuần lễ thì bỏ đi không biết đi đâu cho đến nay, còn vợ B thì ở nhà nhưng đi làm ở xí nghiệp H, từ 6 giờ sáng cho đến 6 giờ chiều có khi tăng ca 9-10 giờ tối mới về nhà. Do đó Trưởng ấp không thấy T ở nhà nên cung cấp cho Tòa án là T đã bỏ địa phương. Tại phiên tòa tôi yêu cầu Tòa án xử buộc B và T (tên thường gọi L) trả cho tôi 100.000.000 đồng không tính lãi suất.

- Bị đơn- Anh Trần Quốc B, chị Ngô Thị Bạch T trình bày: Anh B, chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của Anh B, chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Á buộc Anh B, chị T trả số tiền 100.000.000 đồng, ghi nhận chị Á không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh B, chị T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng và đầy đủ thủ tục để đảm

bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa chị Á (D) và Anh B, chị T được ký kết bằng văn bản, không ghi thời hạn trả nợ và không ghi mức lãi suất. Theo đó vào ngày 18/02/2019 vợ chồng Anh B, chị T vay của chị Á (D) 100.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng vay tiền là tự nguyện và hợp pháp, do có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên chị Á yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Anh B, chị T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Anh B, chị T.

Xét thấy việc vay tiền giữa chị Á và Anh B, chị T là có thật chị Á xác định tên thường gọi của chị là D nên trong giấy nợ Anh B ghi B có mượn của dì D. Qua thu thập chứng cứ đối với chính quyền địa phương và những người bán tại chợ T nơi chị Á mua bán sạp vãi cũng xác định chị D là tên thường gọi của chị Á, chị Á và chị D là một người Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của chị Á là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Ghi nhận chị Á không yêu cầu tính lãi lãi suất.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu của chị Á buộc Anh B, chị T có nghĩa vụ trả cho chị Á số tiền 100.000.000 đồng không tính lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Á buộc Anh B, chị T có nghĩa vụ trả cho chị Á số tiền 100.000.000 đồng, ghi nhận chị Á không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị Á (tên thường gọi D) về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Anh Trần Quốc B, chị Ngô Thị Bạch T có nghĩa vụ trả cho chị Tôn Thị Á (tên thường gọi D) số tiền 100.000.000 đồng. Ghi nhận chị Á không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Anh B, chị T phải chịu 5.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Chị Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Á, 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006184 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.Về quyền kháng cáo: Chị Á có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu tập án ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thị Hưởng